

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN – MIỀN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59 /TB-CT

DakLak, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX)**

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
- Mã chứng khoán: SMB
- Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak
- Điện thoại liên hệ: 0262.3877519 Fax: 0262.3877455
- Người thực hiện công bố thông tin: VŨ TUẤN ANH

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng.

- Loại thông tin công bố:

24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung trân trọng công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: www.biasaigonmt.com

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên năm 2019

Đại diện tổ chức
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tuấn Anh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BIA
SAIGON[®]
SAIGON - MIEN TRUNG

2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Số 01 Nguyễn Văn Linh, P.Tân An, TP.Buôn Ma Thuộc, Tỉnh Đắk Lắk
<https://biasaigonmt.com/>



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN- MIỀN TRUNG

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG (1)

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM (19)

03

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (29)

04

BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH (47)

05

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (59)

06

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (65)

07

QUẢN TRỊ CÔNG TY (71)

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (79)

01

THÔNG TIN CHUNG



2019

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Rủi ro



(*) Nhà máy bia Sài Gòn Đắk Lắk công suất 100 triệu lít / năm



Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG
Tên giao dịch:	SAI GON – MIEN TRUNG BEER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	SMB
Giấy CNĐKDN số:	4100739909 (số cũ 3503000233) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 16/05/2017.
Vốn điều lệ:	298.466.480.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	472.010.456.293 VNĐ
Địa chỉ:	Số 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Số điện thoại:	0262 3877 519
Số fax:	0262 3877 455
Website:	www.biasaigonmt.com.vn
Email:	sgmt.bia@gmail.com
Mã cổ phiếu:	SMB

Logo công ty:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



26/09/2008 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba Công ty theo chủ trương Đại hội đồng cổ đông của ba công ty: CTCP Bia Sài Gòn - Quy Nhơn, CTCP Bia Sài Gòn - Phú Yên và CTCP Bia Sài Gòn - Đắk Lắk, được kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của các công ty hợp nhất.

06/09/2009 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Đắk Lắk từ 25 lên 70 triệu lít/ năm.

09/07/2010 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán lần đầu số 162/2010/GCNCP-VSD.

01/10/2008 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung chính thức đi vào hoạt động.



27/06/2018 Công ty được chấp thuận niêm yết 29.846.648 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch phiêu đầu tiên vào ngày 03/08/2018.

20/09/2017 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung thành lập công ty con đầu tiên của mình là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn hoạt động với ngành nghề chính là buôn bán đồ uống.

08/09/2010 Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung trên sàn UPCoM với mã cổ phiếu SMB.

06/08/2019 Sabeco hợp báo ra mắt thương hiệu Bia Sài Gòn, đánh dấu bước ngoặt thay đổi nhận diện thương hiệu đối với bao bì mới trên các sản phẩm của toàn hệ thống nói chung và Bia Sài Gòn - Miền Trung nói riêng.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất rượu	1101
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát	1104
3	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm	2825
4	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các loại bia, rượu, nước giải khát	4633
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm	4659
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kho bãi, cho thuê văn phòng	6810
7	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	4100
8	Chi tiết: Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc, thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	8560
9	Chi tiết: Khách sạn	5510
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	5610
11	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch	7912
12	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất các loại bia	1103 (Chính)
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Cho thuê xe có động cơ	7710

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh Bia Sài Gòn của Công ty chủ yếu diễn ra tại Tỉnh Đắk Lắk, Quy Nhơn & Phú Yên. Ngoài ra, các sản phẩm tự doanh như Bia Qui Nhơn, Bia tươi... được tiêu thụ tại các tỉnh Gia lai, Kom Tum, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Phước, Đồng Nai.



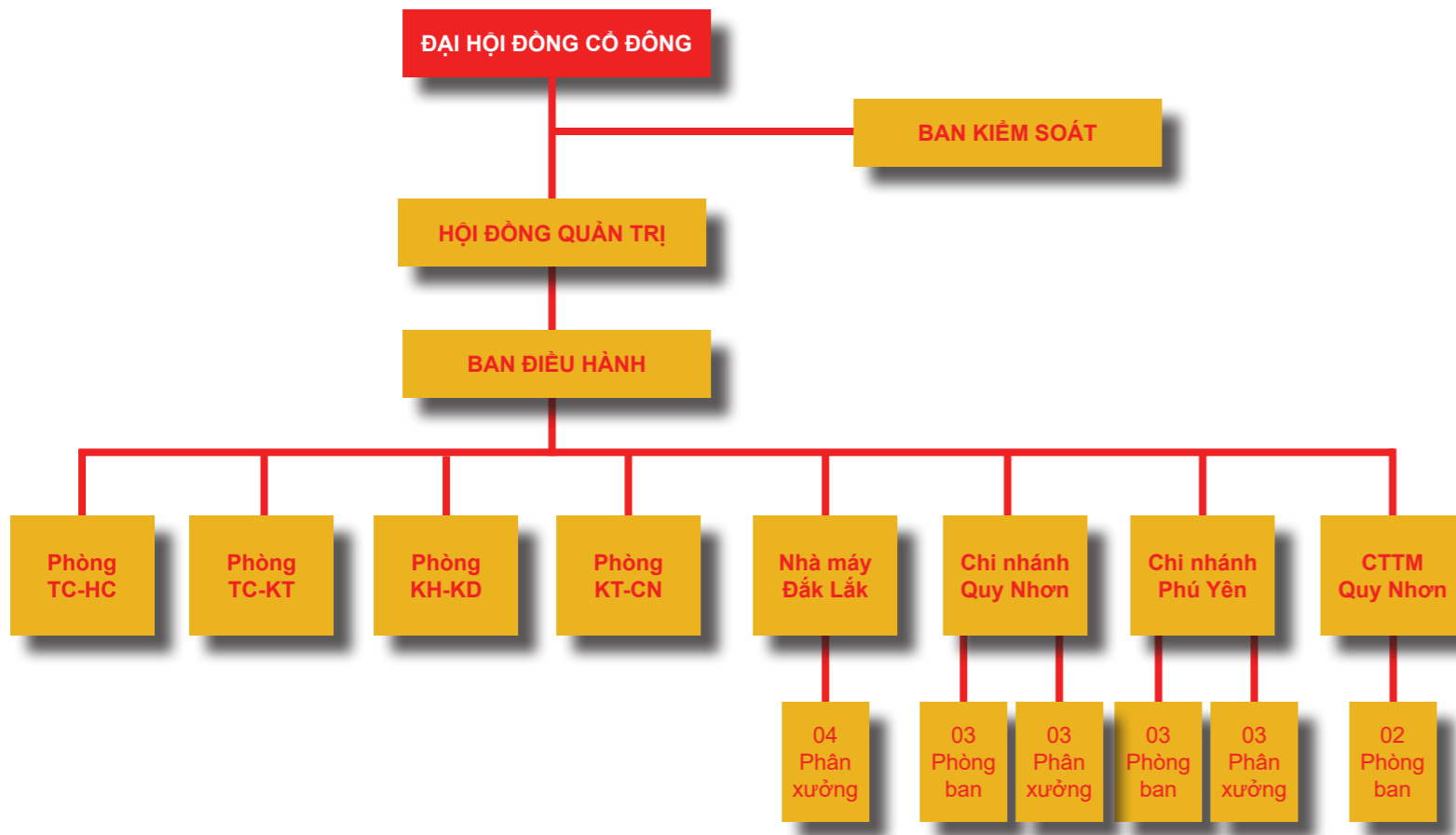
Nhà máy bia Sài Gòn Quy Nhơn
56 triệu lít / năm



Nhà máy bia Sài Gòn Phú Yên
28 triệu lít / năm



Nhà máy bia Sài Gòn Đắk Lắk
100 triệu lít / năm



BIA
SAIGON[®]
SAIGON - MIEN TRUNG

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Điều hành;
- Khối chuyên môn nghiệp vụ.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung có cơ cấu tổ chức như sau:

Trụ sở chính Công ty (Địa chỉ: Số 01 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk).

Chi nhánh Công ty:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định).

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên (Địa chỉ: Số 265 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên).

Công ty con:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn (Địa chỉ: Văn phòng Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn, Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định).

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (Địa chỉ: Số 396 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên).

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu công ty

- Công ty hoạt động với mục tiêu phát triển ngành đồ uống Việt Nam ngang tầm thế giới, không ngừng hoàn thiện, đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, cung cấp đồ uống chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng.
- Công ty luôn sẵn sàng hợp tác với các đơn vị, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi vì sự phát triển của các bên.
- Hoạt động sản xuất của Công ty đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông, duy trì và giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Công ty góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty luôn bám sát định hướng chiến lược phát triển do SABECO đề ra cũng như các đề án quy hoạch phát triển ngành của Bộ Công thương để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp. Trong thời gian tới, sau khi khai thác hết công suất hiện tại của các nhà máy, công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới nước giải khát. Bên cạnh đó, Công ty sẽ thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí sản xuất góp phần gia tăng lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



Các mục tiêu với môi trường, xã hội và cộng đồng

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. SMB luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:

▪ Đối với môi trường

Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường, cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, đặc biệt chất thải nguy hại Công ty luôn chú ý thu gom và xử lý có hệ thống, đúng quy trình kỹ thuật. SMB không bị xử phạt vì vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

▪ Đối với vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm

Công ty thực hiện tốt các qui định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, 01 Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và 01 Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.

▪ Đối với xã hội, cộng đồng

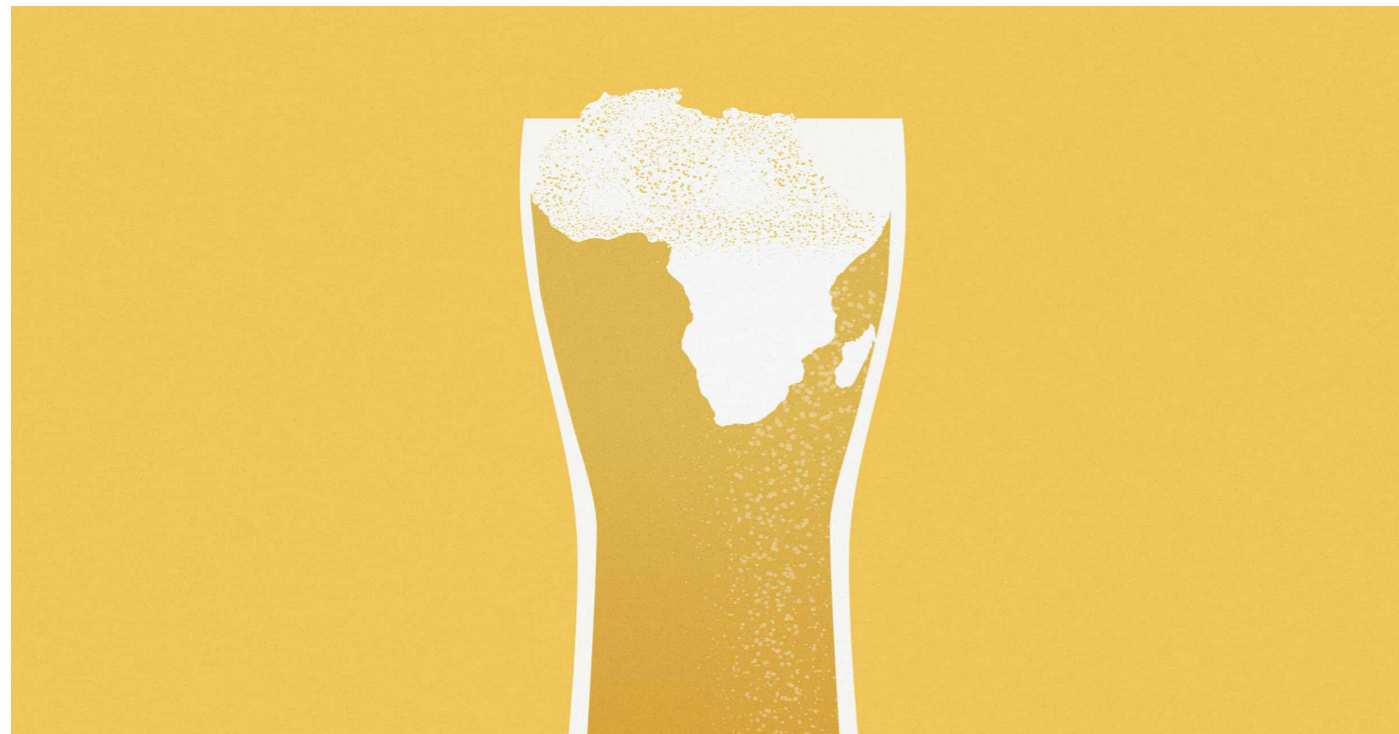
Hàng năm Công ty đều dành nguồn kinh phí đáng kể để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ nạn nhân chất độc da cam, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương, ...

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2019, kinh tế Việt Nam vẫn giữ vững tốc độ tăng trưởng ổn định, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt kết quả cao ở mức 7,02% theo số liệu từ tổng cục thống kê, GDP tăng trưởng cho thấy thu nhập người dân được cải thiện xu hướng tiêu dùng thay đổi, người tiêu dùng hướng đến sản phẩm chất lượng tốt và chi trả nhiều để mua sắm sản phẩm, điều này yêu cầu công ty phải quan tâm cải thiện chất lượng sản phẩm, mẫu mã và nâng cao chất lượng của thương hiệu.

Có thể thấy, sự ổn định của nền kinh tế xã hội là một trong những yếu tố quan trọng để SMB phát triển vững mạnh. Tình hình kinh tế năm 2020 tiếp tục được dự đoán có nhiều biến động khi được hưởng lợi từ việc chuyển dịch sản xuất từ tác động của chiến tranh thương mại và tiềm năng mang lại từ các hiệp định mới như CPTPP, EVFTA và các FTAS khác, nhưng lại chịu ảnh hưởng không nhỏ dịch covid-19 và các xung đột chính trị.

Rủi ro kinh tế hay là rủi ro hệ thống là những yếu tố cơ bản mà sự thay đổi của chúng sẽ tác động đến các chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Những nhân tố hình thành nên rủi ro này gồm: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung là một chủ thể trong nền kinh tế nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi những yếu tố cơ bản trên. Trong đó, yếu tố lạm phát thể hiện nhu cầu về tiêu dùng và đầu tư và bia lại là sản phẩm được tiêu thụ phụ thuộc rất nhiều vào thu nhập của người dân nên lạm phát thấp thể hiện sự kiểm soát tốt từ Chính phủ tuy nhiên lại cho thấy nền kinh tế đang tăng trưởng chậm lại điều này sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự tăng trưởng của ngành bia trong thời gian tới.



Rủi ro pháp luật

CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở GDCK Tp.Hồ Chí Minh nên hoạt động của Công ty chịu nhiều tác động từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, các Nghị định, thông tư liên quan về hoạt động công bố thông tin,... Ngoài ra, SMB còn chịu sự chi phối bởi các văn bản luật chuyên ngành có liên quan. Những năm gần đây, rất nhiều văn bản pháp luật có sự thay đổi nhằm đáp ứng sự hội nhập sâu rộng đang diễn ra trong nền kinh tế hiện nay. Nghị định 100/2019 có hiệu lực từ 01/01/2020 tăng mức xử phạt với hành vi xử dụng bia rượu khi tham gia giao thông, nghị định đã ảnh hưởng đến các doanh nghiệp kinh doanh bia rượu.

Công ty luôn chú trọng nghiên cứu kỹ lưỡng, kiểm soát rà soát tốt quy trình hoạt động nhằm có các phương án điều chỉnh phù hợp nhất. CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung cam kết tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động của mình.



Rủi ro cạnh tranh

Mức độ hội nhập kinh tế diễn ra mạnh mẽ khiến thị trường ngành bia rượu Việt Nam đã có sự tham gia tích cực của hàng loạt các thương hiệu thế giới như bia Budweiser, Heineken, Tiger của tập đoàn khổng lồ Anheuser – BuschVBL, Carlsberg với nhãn bia mới Tuborg, v.v... Những doanh nghiệp này với lợi thế thương hiệu, mẫu mã và chất lượng đã đặt các doanh nghiệp ngành bia trong nước trước áp lực phải có sự đầu tư, học hỏi thêm về công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm đáp ứng tốt thị hiếu của người tiêu dùng vừa có giá bán hợp lý.

Ban lãnh đạo công ty chú trọng quan tâm diễn biến thị trường và các đối thủ cạnh tranh nhằm xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, giữ vững thị phần, linh hoạt điều chỉnh chính sách giá bán và mở rộng phạm vi các kênh phân phối trên toàn quốc.

Rủi ro đặc thù hoạt động

Nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty là: malt bia, gạo, hoa houblon, trong đó malt là tên gọi chung chỉ ngũ cốc nảy mầm (lúa mạch, tiểu mạch, thóc, gạo), là nguồn nguyên liệu chính tạo nên hương vị của bia. Hiện tại Việt Nam vẫn chưa trồng được malt đại mạch dùng sản xuất bia nên chủ yếu là nhập khẩu từ nước ngoài. Bên cạnh đó, hoạt động thu mua nguyên liệu do Tổng công ty Sabeco đảm nhiệm nên vì thế khi xảy ra các biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào trong quá trình nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách phân phối nguyên liệu cho các đơn vị thành viên trên toàn hệ thống, trong đó có Bia Sài Gòn - Miền Trung. Chính sách giao sản lượng hợp tác sản xuất và mua hàng đối với các đơn vị thành viên của Sabeco cũng ảnh hưởng đến hoạt động Công ty vì SMB chủ yếu hoạt động gia công theo sản lượng bia Sài Gòn được giao nên khi nhu cầu tiêu thụ bia tại Việt Nam thay đổi sẽ ảnh hưởng đến các chính sách hợp tác sản xuất và mua thành phẩm giữa Công ty và Sabeco.

Rủi ro môi trường

Rủi ro môi trường tác động đến Công ty chủ yếu thông qua nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất. Malt bia, hoa cao houblon nếu có môi trường phát triển tốt sẽ cho hạt và hoa chất lượng giúp vị bia thành phẩm ngon hơn. Bên cạnh đó, môi trường tại các nhà máy sản xuất cũng có những tác động không nhỏ đến hoạt động của Công ty. Hiện tại 03 nhà máy của SMB đều nằm tại các vị trí có môi trường tốt cho hoạt động sản xuất, lưu kho nguyên vật liệu, thành phẩm, vận chuyển hàng hóa. Về công tác bảo vệ môi trường, Công ty đang sử dụng hệ thống sản xuất chất lượng cao, được đánh giá thân thiện với môi trường.



Rủi ro khác

Những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn ... rủi ro với khả năng xảy ra thấp tuy nhiên mang lại thiệt hại lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. SMB luôn chú trọng tuân thủ quy định trong lĩnh vực vận tải hàng hải, trang bị phao, thiết bị cứu hộ, mua bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



2019



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư
của chủ sở hữu

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	%TH/KH 2019	%TH 2019/2018
Vốn điều lệ	298.466	298.466	298.466	100,00%	100,00%
Tổng doanh thu	1.578.960	1.575.180	1.727.650	109,68%	109,42%
Lợi nhuận trước thuế	175.220	150.030	259.080	172,69%	147,86%
LNTT/Tổng doanh thu	11,10%	9,52%	15,00%	-	-
LNTT/VĐL	58,71%	50,27%	86,80%	-	-

Năm qua, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty có nhiều điểm sáng rất tích cực. Chỉ tiêu doanh thu và cả lợi nhuận không những có sự tăng trưởng mà còn hoàn thành vượt xa kế hoạch đề ra. Theo đó, tổng doanh thu tăng 9,42% so với năm trước và vượt 9,68% kế hoạch năm đạt mức 1.728 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế tăng 47,86% so với năm trước và vượt 72,69% kế hoạch năm đạt mức 259 tỷ đồng.



Để có được kết quả hoạt động trên, Hội đồng quản và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phải định hướng chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai các phương án theo dõi quản trị, cũng như kiểm soát chặt chẽ các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình sản xuất chính tại 03 Nhà máy Đắc Lắc, Quy Nhơn và Phú Yên. Qua đó, các công tác về sản xuất, quản lý kỹ thuật, quản lý nguyên vật liệu, mua sắm công dụng cụ sản xuất, công tác tiêu thụ sản phẩm,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống đạt hiệu quả cao góp phần giúp công ty hoàn tốt kế hoạch sản xuất năm đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm (số liệu hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu doanh thu thuần	Năm 2017 (Hợp nhất)		Năm 2018 (Hợp nhất)		Năm 2019 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bia các loại	1.102.422	98,40%	1.522.669	96,43%	1.488.388	98,95%
Nước uống đóng chai	7.178	0,64%	56.295	3,57%	15.807	1,05%
Gia công Pepsi	10.709	0,96%	-	-	-	-
Tổng cộng	1.120.309	100%	1.578.963	100%	1.504.195	100%



Tình hình hoạt động đầu tư

Năm 2019 Công ty tiếp tục thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư từ năm 2018 chuyển sang và triển khai thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư năm 2019 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

+ Đắk Lắk:

- Đầu tư xây dựng nhà kho thành phẩm 5.250 m².
- Đầu tư hệ thống lạnh phân tầng.
- Đầu tư hệ thống khai thác nước ngầm tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Đắk Lắk.

+ Quy Nhơn:

- Đầu tư hệ thống thu hồi CO₂ 300kg/h kết hợp Stripping.
- Đầu tư hệ thống lò hơi tăng sôi 10 tấn/h.

+ Phú Yên:

- Đầu tư hệ thống lò hơi tăng sôi 10 tấn/h.

Việc hoàn thành các dự án đầu tư sẽ góp phần quan trọng giúp giữ vững chất lượng sản phẩm và đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng cao đối với Công ty.



Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

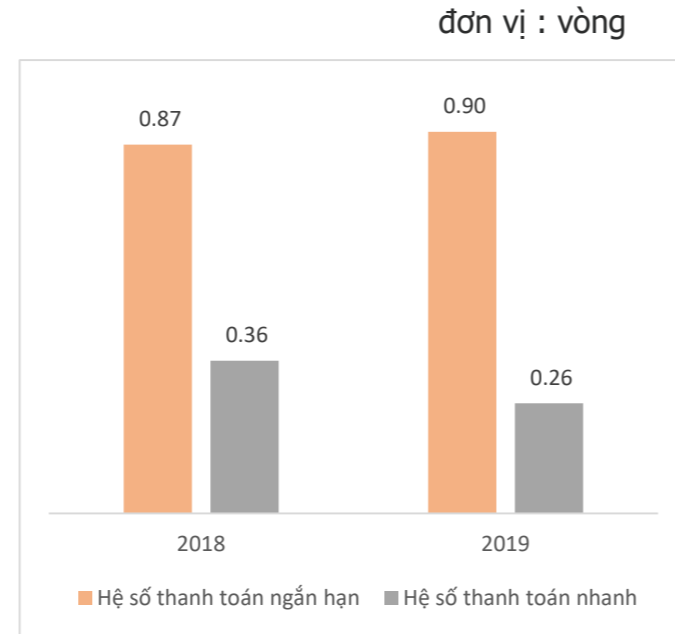
Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% tăng giảm
Tổng tài sản	838.815	797.475	-4.93%
Doanh thu thuần	1.537.711	1.504.195	-2.18%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	270.659	337.279	24.61%
Lợi nhuận khác	30.881	37.894	22.71%
Lợi nhuận trước thuế	175.206	259.094	47.88%
Lợi nhuận sau thuế	140.006	207.043	47.88%

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,87	0,90
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,36	0,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,15%	40,81%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	89,21%	68,95%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,87	6,26
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,93	1,89
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,10%	13,76%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	30,42%	43,86%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	17,53%	25,96%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,39%	17,34%

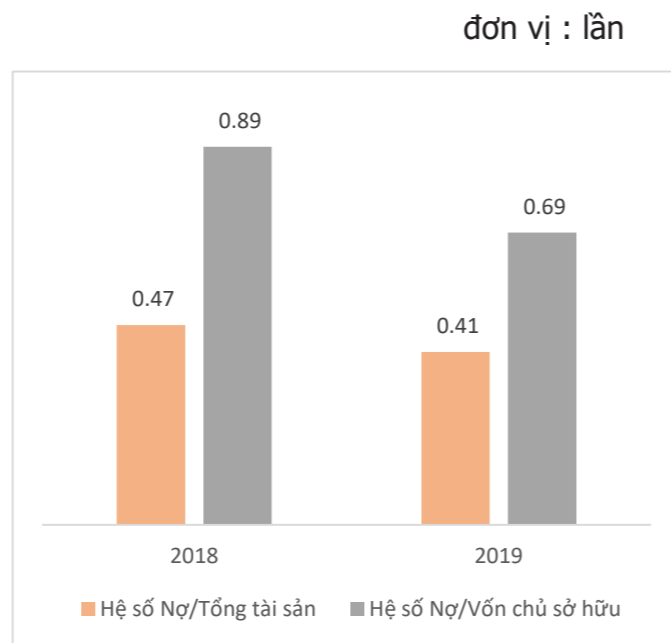
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty trong năm 2019 tăng so với năm trước từ 0,87 lên 0,9 lần, chỉ số được cải thiện nhờ vào nợ ngắn hạn công ty đã giảm 13,4% so với mức giảm 10,2% của tài sản ngắn hạn. Trong đó nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự giảm đi của nợ ngắn hạn do trong năm công ty đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt và trả nợ ngân hàng đã vay để bổ sung vốn lưu động trước đó; Hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0,36 lần năm 2018 về 0,26 lần trong năm 2019, ngoài sự thay đổi của nợ và tài sản ngắn hạn, sự biến động của hệ số thanh toán nhanh còn do hàng tồn kho cuối năm tăng 8% so với cùng kỳ năm trước (trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là thành phẩm), hoạt động sản xuất theo kế hoạch kinh doanh đã làm tăng hàng tồn kho Công ty. Như vậy, cho đến thời điểm hiện nay, khả năng thanh toán của Công ty vẫn được đánh giá tốt; SMB đủ khả năng chi trả mọi khoản nợ vay ngắn hạn.



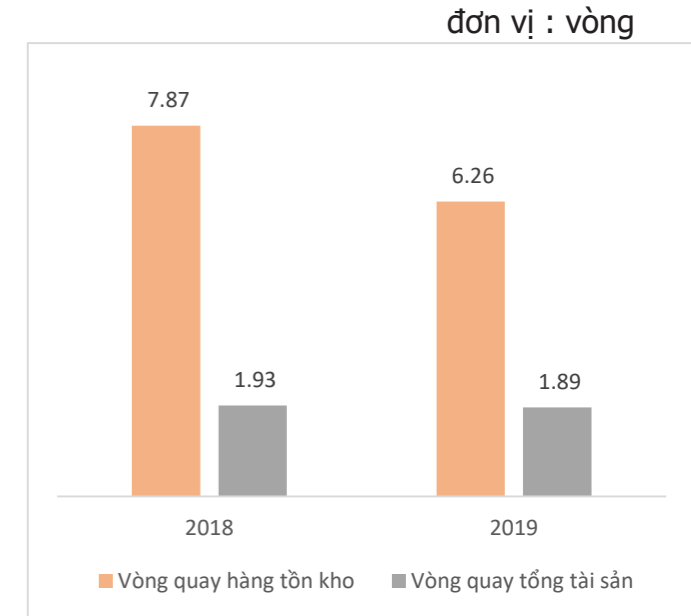
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn

Năm 2019 chỉ tiêu nợ trên tổng tài sản đạt mức 40,81% và nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 68,95%, cơ cấu vốn của Công ty dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng nợ phải trả trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Sự thay đổi này chủ yếu do biến động của nợ phải trả, cụ thể trong năm qua công ty trả bớt nợ vay dài hạn đến hạn, đây là khoản nợ trước đó đã vay tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tài sản. Bên cạnh đó, tổng tài sản Công ty cũng đã giảm đi nguyên nhân chủ yếu do tiền mặt và các khoản phải thu Tổng Công ty Sabeco đều sụt giảm so với đầu kỳ, trong năm SMB đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018 và tạm ứng 2019 cho cổ đông, các khoản phải thu cũng được Sabeco thanh toán nhanh. Vốn chủ sở hữu năm 2019 đã gia tăng so với năm trước, trong đó khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay có sự tăng trưởng tốt. Đây là kết quả đạt được nhờ giá cả nguyên vật liệu giảm và các yếu tố chi phí như chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp được công ty kiểm soát tốt. Như vậy, Công ty vẫn duy trì được sự an toàn tài chính; chuyển biến về cơ cấu vốn đã được phân tích phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển và mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho các cổ đông.



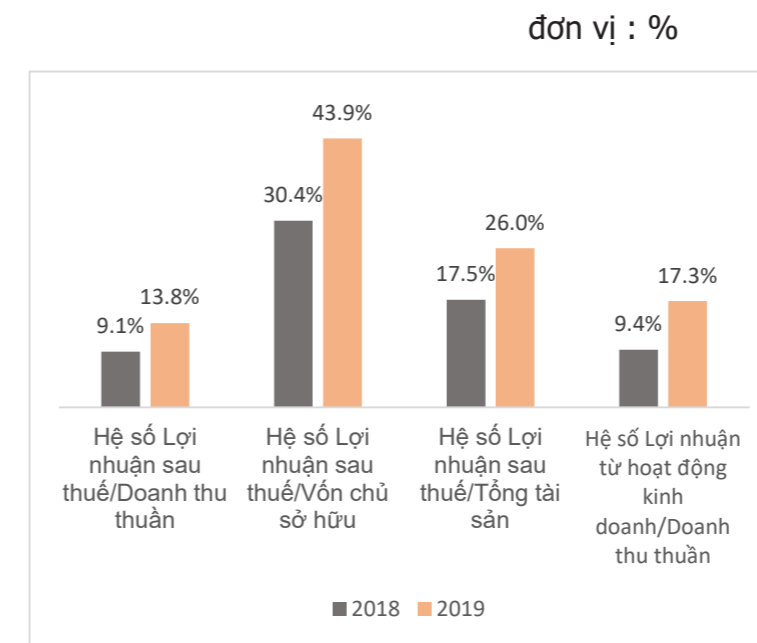
Chỉ tiêu về hoạt động

Các chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động của công ty trong năm có sự thay đổi, vòng quay hàng tồn kho đã giảm từ 7,87 vòng xuống còn 6,26 vòng; vòng quay tổng tài sản cũng giảm từ 1,93 vòng còn 1,89 vòng. Giải thích cho sự thay đổi trên, giá vốn hàng bán năm 2019 đã giảm hơn 100 tỷ đồng do giá cả nguyên vật liệu đầu vào dùng cho quá trình sản xuất bia được công ty mua từ Tổng công ty Sabeco giảm hơn năm trước. Tuy nhiên hàng tồn kho cuối kỳ, cụ thể là thành phẩm lại có sự gia tăng đáng kể so với đầu kỳ đã làm vòng quay hàng tồn kho chậm lại, nhưng lượng hàng tồn kho tăng chỉ do chu kỳ sản xuất của doanh nghiệp. Mặc dù sản lượng bia tiêu thụ 2019 tăng hơn năm trước, nhưng doanh thu thuần bán thành phẩm lại giảm nhẹ do giá bán hàng được điều chỉnh giảm. Trong khi đó tài sản bình quân 2019 tăng so với năm trước, điều này làm hiệu quả mang lại doanh thu từ việc sử dụng tài sản trong năm có sự sụt giảm.



Khả năng sinh lời

Năm 2019 các chỉ số khả năng sinh lời có sự tăng trưởng đáng kể, suất sinh lời tính trên vốn chủ sở hữu, doanh thu thuần hay tổng tài sản đều gia tăng chủ yếu do lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 48% so với năm trước tương ứng tăng 67,04 tỷ đồng, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 53%, tương ứng tăng 76,87 tỷ đồng. Kết quả hoạt động hiệu quả SMB luôn đi đôi với việc mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho các cổ đông, điều này luôn đúng với định hướng phát triển của công ty trong suốt thời gian qua.



Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ	: 298.466.480.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	: 29.846.648 cổ phiếu
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông	: 29.846.648 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 29.846.648 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2019

	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	2.369	26.755.388	89,64%
	Cổ đông tổ chức	21	16.258.710	54,47%
	Cổ đông cá nhân	2.349	10.496.678	35,17%
II	Cổ đông nước ngoài	63	2.371.412	7,94%
	Cổ đông tổ chức	15	2.173.879	7,28%
	Cổ đông cá nhân	48	197.533	0,66%
III	Cổ đông Nhà nước	1	719.848	2,41%
	Tổng cộng	2.433	29.846.648	100%

Danh sách cổ đông lớn tính đến ngày 31/12/2019

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	0300583659	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	9.617.363	32,22%
2	Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt	0305376818	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	3.745.550	12,55%
3	Công ty TNHH MTV xổ số Kiến thiết Phú Yên	4400116969	204 Trần Hưng Đạo, Phường 4, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	1.602.940	5,37%
4	Capital Shine Limited	CA3453	9 North Buona Vista Drive # 12-01 The Metropolis Tower 1, Singapore, 138588	1.587.271	5,32%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2019, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có



03 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



2019



Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Những thay đổi nhân sự

Nhân sự và chính sách lao động

	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lâm Du An	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
2	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGD	TV HĐQT điều hành
3	Phạm Văn Phong	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
4	Nguyễn Thị Phước	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành



Ông Lâm Du An

: Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh

: 05/01/1967

Nơi sinh

: Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn

: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ hiện nay

: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội

Số cổ phần cá nhân sở hữu

: Không

Số cổ phần đại diện sở hữu

: Đại diện sở hữu cho Tổng CTCP Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn: 3.647.363 cổ phần - tỷ lệ 12,22% VDL

Quá trình công tác

- Từ 10/1989 đến 06/1990 : Kỹ sư Nhà máy Thuốc lá Bến Thành
- Từ 06/1990 đến 10/1991 : Kỹ sư Nhà máy Nước đá Hàm Tử
- Từ 10/1991 đến 10/2004 : Kỹ sư, Tổ trưởng bảo trì Công ty Bia Sài Gòn
- Từ 10/2004 đến 04/2006 : Phó Quản đốc Xưởng Bảo trì - TCT Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Từ 04/2006 đến 05/2007 : Trưởng Ban Quản lý dự án Bia Sài Gòn Bạc Liêu
- Từ 05/2007 đến 10/2012 : Trưởng Ban Quản lý dự án Bia Sài Gòn Vĩnh Long
- Từ 10/2012 đến 06/2016 : Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn Vĩnh Long
- Từ 06/2016 đến 10/2017 : Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh thuộc TCT CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Từ 10/2017 đến nay : Phó Tổng Giám đốc SABECO kiêm Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh
- Từ 12/2013 đến nay : Phó Tổng Giám đốc SABECO kiêm Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh

Khen thưởng

: Không

Các khoản nợ công ty

: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty

: Không

Thù lao và lợi ích khác

: Theo quy định của Công ty

Ông Huỳnh Văn Dũng**: Thành viên HĐQT kiêm TGD**

Ngày tháng năm sinh : 30/01/1962
 Nơi sinh : Quảng Ngãi
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa thực phẩm, Cử nhân Tiếng Anh
 Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Ủy viên HĐQT CTCP In – Thương mại Phú Yên
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 347.305 cổ phiếu – 1,16% VDL
 Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu cho Tổng CTCP Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn: 2.984.905 cổ phần - tỷ lệ 10,0% VDL

Quá trình công tác

- Từ 04/1989 đến 08/1992 : Trưởng phòng Kiểm nghiệm hàng hóa XNK Inexim Đắk Lắk
- Từ 08/1992 đến 12/1995 : Phó trưởng Xưởng Chế biến – Kho vận Inexim Đắk Lắk
- Từ 12/1995 đến 02/2005 : Phó Giám đốc Inexim Đắk Lắk
- Từ 02/2005 đến 09/2008 : Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
- Từ 10/2008 đến 11/2013 : Giám đốc Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Đắk Lắk
- Từ 05/2013 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Từ 12/2013 đến nay : Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

Khen thưởng : Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương lao động hạng 3
 Các khoản nợ công ty : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
 Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

Ông Phạm Văn Phong**: Thành viên HĐQT độc lập**

Ngày tháng năm sinh : 07/10/1962
 Nơi sinh : Thanh Hóa
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT độc lập
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 257.940 cổ phiếu – 0,68% VDL
 Số cổ phần đại diện sở hữu : Không

Quá trình công tác

- Từ năm 1993 đến 1996 : Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp Khu vực Krong Buk Đắk Lắk
- Từ năm 10/1996 đến 10/2002 : Phó Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam CN. Đắk Lắk
- Từ 2002 đến 2017 : Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam CN. Đắk Lắk
- Từ 06/2017 đến nay : Phó Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực Sacombank

Khen thưởng : Không
 Các khoản nợ công ty : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
 Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

Bà Nguyễn Thị Phước**: Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh : 25/04/1959
 Nơi sinh : Khánh Hòa
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Tổng giám đốc Công ty CPTM Địa ốc Việt
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : Không
 Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu của CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt: 3.745.550 CP, tỷ lệ 12,54% VDL

Quá trình công tác

- Từ năm 1996 đến 2006 : Chủ tịch HĐQT CT TNHH Đầu tư-Thương mại-Du lịch Hiệp Phúc
- Từ năm 2007 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty CPTM Địa ốc Việt
- Từ 05/2013 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

Khen thưởng : Không
 Các khoản nợ công ty : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
 Thủ lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh**: Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh : 07/06/1968
 Nơi sinh : Tp.Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính ngân hàng
 Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Phó Ban KH-TH Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
 Số cổ phần cá nhân sở hữu : 741 CP, tỷ lệ 0,00 % VDL
 Số cổ phần đại diện sở hữu : Đại diện sở hữu của Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn: 2.984.905 CP, chiếm 10,00% VDL

Quá trình công tác

- Từ 10/1998 đến 05/2003 : Kế toán tài sản cố định Cty Bia Sài Gòn
- Từ 06/2003 đến 2006 : Kế toán tiêu thụ, Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Từ 2006 đến 2008 : Phó phòng kế toán Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Từ 2008 đến 06/2012 : Phó phòng tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Từ 06/2012 đến 02/2016 : Phó Ban tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- Từ 04/2017 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- Từ 03/2016 đến nay : Phó Ban Kế hoạch tổng hợp Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn

Khen thưởng : Không
 Các khoản nợ công ty : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : Không
 Thủ lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng BKS
2	Bùi Quang Đáng	Thành viên
3	Trịnh Văn Thảo	Thành viên

Ông Nguyễn Văn Dũng

: Trưởng BKS

Ngày tháng năm sinh	: 08/02/1971
Nơi sinh	: Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	: Trưởng BKS
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Không
Quá trình công tác	
• Từ năm 1996 đến 2003	: Kế toán trưởng Công ty TNHH ĐT-TM-DL Hiệp Phúc
• Từ năm 2004 đến 2009	: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH ĐT-TM-DL Hiệp Phúc tại Quảng Nam (Trạm thu phí Tam Kỳ)
• Từ năm 2010 đến 04/2016	: Phó Tổng giám đốc CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt (Vietcomreal)
• Từ tháng 05/2016 đến nay	: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Khen thưởng	: Không
Các khoản nợ công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	: Không
Thù lao và lợi ích khác	: Theo quy định của Công ty

Ông Bùi Quang Đáng

: Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh	: 05/10/1965
Nơi sinh	: Phú Yên
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế
Chức vụ hiện nay	: Thành viên BKS
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Chủ tịch Công ty TNHH 1 TV Xổ số kiến thiết Phú Yên
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Đại diện sở hữu của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Yên: 1.602.940 CP, tỷ lệ 5,37% VDL
Quá trình công tác	
• Từ năm 1986 đến 1991	: Công tác tại Công ty Thương nghiệp Sông Cầu, Phú Yên
• Từ 08/1993 đến 2012	: Kế toán trưởng Công ty xổ số kiến thiết Phú Yên
• Từ 2012 đến 10/2016	: Phó giám đốc xổ số kiến thiết Phú Yên
• Từ 11/2016 đến nay	: Chủ tịch Công ty TNHH 1 TV xổ số kiến thiết Phú Yên
• Từ 04/2017 đến nay	: Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Khen thưởng	: Không
Các khoản nợ công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	: Không
Thù lao và lợi ích khác	: Theo quy định của Công ty

Ông Trình Văn Thảo

: Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh	: 02/02/1973
Nơi sinh	: Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	: Thành viên BKS
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: Không
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Không
Quá trình công tác	
• Từ năm 1996 đến năm 2001	: Trợ lý Kế toán-Phòng TC-KT Tổng công ty Xây Dựng Trường Sơn- Bộ Quốc Phòng.
• Từ năm 2001 đến năm 2006	: Kế toán tổng hợp-Phòng TC-KT Công ty Du Lịch-Dịch vụ và Thương mại TOSECO- Bộ Quốc Phòng
• Từ năm 2006 đến năm 2008	: Kế toán trưởng- Công ty Du Lịch Phương Nam- Bộ Quốc Phòng
• Từ năm 2008 đến năm 2010	: Kế toán trưởng- Trung tâm Thương Mại- Dịch Vụ Phương Nam- Bộ Quốc Phòng
• Từ 05/2011 đến 10/2017	: Chuyên viên Kiểm toán nội bộ-Phòng KTNB Tổng công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn(SABECO)
• Từ 05/2013 đến nay	: Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
Khen thưởng	: Không
Các khoản nợ công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	: Không
Thù lao và lợi ích khác	: Theo quy định của Công ty

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Võ Thành Điền	Phó tổng giám đốc
3	Vũ Tuấn Anh	Phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng
4	Nguyễn Hoàng Long	Giám đốc Chi nhánh Quy Nhơn
5	Đặng Sanh Định	Giám đốc Chi nhánh Phú Yên

▪ Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Ông Huỳnh Văn Dũng vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị.



Ông Võ Thanh Điền**: Phó Tổng Giám đốc**

Ngày tháng năm sinh	: 12/04/1966
Nơi sinh	: Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: 35.843 CP, tỷ lệ 0,12%VĐL
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Không
Quá trình công tác	
• Từ 06/1993 đến 07/1994	: Phó Phòng Đầu tư và Công nợ, Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
• Từ 07/1994 đến 06/2002	: Giám đốc Chi nhánh Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk tại Huyện Krông Năng, KrôngBuk, Chư Sê
• Từ 06/2002 đến 05/2007	: Phó phòng, Phụ trách phòng Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
• Từ 07/2007 đến 12/2007	: Phụ trách Phòng Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
• Từ 01/2008 đến 09/2009	: Trưởng Phòng KH-KD CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
• Từ 10/2009 đến 12/2013	: Trưởng Phòng KH-KD Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn Miền Trung tại Đắk Lắk
• Từ 01/2014 đến 12/2017	: Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
• Từ 12/2017 đến nay	: Phó Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
Khen thưởng	: Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ
Các khoản nợ công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	: Không
Thù lao và lợi ích khác	: Theo quy định của Công ty

Ông Vũ Tuấn Anh**: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh	: 13/08/1971
Nơi sinh	: Buôn Ma Thuột
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Kiểm soát viên CT TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ bia Quy Nhơn
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: 38.367 CP, tỷ lệ 0,12% VĐL
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Không
Quá trình công tác	
• Từ 10/1994 đến 02/2005	: Kế toán, Kế toán tổng hợp Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
• Từ 02/2005 đến 03/2007	: Phụ trách Kế toán CTCP Bia Sài Gòn Đắk Lắk
• Từ 04/2007 đến 10/2008	: Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn Đắk Lắk
• Từ 10/2008 đến 31/12/2013	: Kế toán trưởng CN CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Đắk Lắk
• Từ 01/01/2014 đến 12/2017	: GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
• Từ 12/2017 đến nay	: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
Khen thưởng	: Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ
Các khoản nợ công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	: Không
Thù lao và lợi ích khác	: Theo quy định của Công ty

Ông Nguyễn Hoàng Long**: Giám đốc Chi Nhánh Quy Nhơn**

Ngày tháng năm sinh	: 14/12/1962
Nơi sinh	: Bình Định
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay	: Giám đốc Chi Nhánh Quy Nhơn
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Giám đốc Công ty TNHH 1TV Thương mại-Dịch vụ bia Quy Nhơn
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: 5.008 CP, tỷ lệ 0,01% VDL
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Không
Quá trình công tác	
• Từ năm 1979	: Nhân viên Chi cục Kiểm lâm Nhân dân Nghĩa Bình
• Từ 1979 đến 1981	: Quân nhân, đóng quân tại sân bay Đà Nẵng
• Từ 1988 đến 1993	: Nhân viên Công ty XNK Nghĩa Bình
• Từ 1996 đến 2014	: Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch-Kinh doanh, Phó Giám đốc Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn
• Từ 2014 đến 10/2015	: Quyền Giám đốc, Giám đốc chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn
• Từ 11/2015 đến nay	: Giám đốc, Giám đốc chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn
Khen thưởng	: Không
Các khoản nợ công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	: Không
Thù lao và lợi ích khác	: Theo quy định của Công ty

Ông Đặng Sanh Định**: Giám đốc Chi Nhánh Phú Yên**

Ngày tháng năm sinh	: 02/01/1973
Nơi sinh	: Phú Yên
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Hóa thực phẩm
Chức vụ hiện nay	: Giám đốc Chi Nhánh Phú Yên
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	: 9.702 CP, tỷ lệ 0,03% VDL
Số cổ phần đại diện sở hữu	: Không
Quá trình công tác	
• Từ 08/1997 đến 05/1998	: Nhân viên Kỹ thuật Công ty Mía đường Tuy Hòa
• Từ 06/1998 đến 04/2005	: Trưởng P. Kỹ thuật – Công nghệ liên doanh Bia Sài Gòn – Phú Yên
• Từ 05/2005 đến 09/2008	: Trưởng P. Kỹ thuật – Công nghệ CTCP Bia Sài Gòn – Phú Yên
• Từ 10/2008 đến 10/2015	: Phó GD Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên
• Từ 11/2015 đến 12/2016	: Quyền GD Chi nhánh CTCP Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên
• Từ 01/2017 đến Nay	: Giám đốc Chi nhánh CTCP Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên
Khen thưởng	: Không
Các khoản nợ công ty	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty	: Không
Thù lao và lợi ích khác	: Theo quy định của Công ty

Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

Tình hình nhân sự của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tính đến ngày 31/12/2019:

STT	Tính chất phân loại	31/12/2019	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	489	100%
1	Trên Đại học	4	1%
2	Đại học, cao đẳng	264	54%
3	Trung cấp	113	23%
4	Công nhân kỹ thuật	54	11%
5	Lao động phổ thông	54	11%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	489	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	428	88%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	61	12%

Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi

➤ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày; 06 ngày/tuần. Thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia làm 03 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ SXKD thì CBCNV làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và có những chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho CBCNV.

Nghỉ phép, Tết, lễ: Người lao động được nghỉ lễ và nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, nếu làm dưới 12 tháng thì số ngày nghỉ phép được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc, người lao động được cộng thêm 01 ngày nghỉ phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Người lao động khi ốm đau được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế và được hưởng trợ cấp theo quy định của Bảo hiểm xã hội.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

➤ **Chính sách tuyển dụng:** Công ty có chính sách thu hút người lao động giỏi, có kế hoạch quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ công nhân viên có năng lực, tâm huyết, gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty có chính sách tuyển dụng dựa vào năng lực và thái độ làm việc, tuyển dụng không phân biệt vùng miền nhằm đưa vào Công ty.



➤ **Đào tạo:** Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Hàng năm Công ty căn cứ vào yêu cầu nghiệp vụ và từng đối tượng lao động có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn nhằm đảm bảo người lao động có đủ khả năng thực hiện công việc được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo kế hoạch do Công ty chi trả.

Trường hợp người lao động có nhu cầu học thêm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngoài kế hoạch của Công ty. Sẽ được Công ty xem xét quyết định trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và không để ảnh hưởng đến sản xuất. Khi người lao động được đồng ý cho đi học tập, đào tạo ngoài kế hoạch của Công ty thì toàn bộ chi phí trong thời gian học tập kể cả tiền lương do người lao động đảm nhận. Nếu sau khi học xong chất lượng học tập đạt kết quả, đáp ứng được nhu cầu công việc tại Công ty thì sẽ được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí mà người lao động đã bỏ ra trong thời gian học tập hoặc bố trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

➤ **Công tác đảm bảo an toàn lao động:** Công ty thực hiện trang bị bảo hộ lao động đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc, số tiền mua trang bị bảo hộ và phụ cấp độc hại trong năm 2016 là 2.461 triệu đồng. Hệ thống máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn định kỳ đều được kiểm định theo quy định.

➤ **Công tác chăm sóc sức khỏe:** Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn lao động Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động nhằm kịp thời phát hiện các bệnh nghề nghiệp.

➤ **Về chính sách lương thưởng phúc lợi:** Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc từng người, khuyến khích CBCNV làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy SXKD của Công ty. Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.



2019

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Tình hình tài chính

Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Điều hành với ý kiến kiểm toán

Năm 2019, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều yếu tố bất ổn. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung tăng cao ngay trong nửa đầu năm, đà tăng trưởng trong năm trên toàn cầu giảm và chỉ đạt mức 3% theo số liệu của quỹ tiền tệ quốc tế IMF. Tuy nhiên GDP Việt Nam tăng trưởng vẫn giữ mức rất tích cực ở mức 7,02% trong 2019, thu nhập người dân tăng cao kéo theo nhu cầu tiêu thụ bia tăng hỗ trợ thuận lợi cho sự phát triển của công ty. Tuy nhiên, thuế TTĐB mặt hàng bia rượu trong 2019 cùng với các chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động của doanh nghiệp vẫn ở mức cao. Trước tình hình chung tồn tại cả thuận lợi lẫn thách thức, Công ty vẫn bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh qua đó đạt được nhiều kết quả tích cực. Cụ thể:

Tình hình hoạt động:

Năm vừa qua tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty diễn ra rất tốt. Tuy nhiên, vào khoản thời gian quý III/2019 việc thay đổi hình ảnh nhận diện thương hiệu ít nhiều làm cho một bộ phận người tiêu dùng chưa quen với sản phẩm Bia Sài Gòn có bao bì mới, dẫn đến tình hình tiêu thụ trên thị trường gặp khó khăn, sản lượng giảm rõ rệt. Nhưng kết quả hoạt động cho thấy, Công ty vẫn hoàn thành và vượt kế hoạch sản lượng đã đề ra, tiêu thụ sản phẩm các loại bia năm 2019 thực hiện đạt 215,55 triệu lít tăng 2% so với 2018 tương đương tăng 4,7 triệu lít.

Năm 2019, lãi suất ngân hàng và chi phí nguyên liệu đầu vào ổn định đã góp phần vào kết quả kinh doanh chung của Công ty. Công ty giữ vững lợi thế thương hiệu mạnh, truyền thống với chất lượng cao, ổn định và giá bán phù hợp, được người tiêu dùng ưa chuộng, sản phẩm chiếm thị phần cao ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên.



Về công tác Sản xuất – Quản lý kỹ thuật:

Công ty chú trọng công tác quản lý kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm, tuân thủ nghiêm túc các quy định và hướng dẫn của SABECO về công tác này. Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất ở tất cả các công đoạn theo đúng quy trình sản xuất đã ban hành, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của SABECO. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị để hạn chế thấp nhất thời gian ngừng máy và sự cố trong sản xuất.

Về công tác mua sắm, dịch vụ:

- Cơ bản thực hiện tốt Quy chế mua hàng, thể hiện tính cạnh tranh, minh bạch và lựa chọn được giá tốt.
- Chủ động tìm kiếm, lựa chọn chủng loại vật tư - nguyên vật liệu - hóa chất có giá cả hợp lý, phù hợp, tiết giảm chi phí.
- Kịp thời cân đối mua sắm và điều chuyển bao bì, vật tư, đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- Chi nhánh Quy Nhơn và Phú Yên tiếp tục nhận Malt tại Cảng Quy Nhơn đã góp phần đem lại hiệu quả, tiết giảm được chi phí.



Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

STTT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	Năm 2019		%TH2019/ KH2018	%TH2019/ TH2018
				KH	TH		
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	211,02	209,38	215,68	103,01	102,21
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	143,57	151,14	135,69	89,78	94,51
	+ Bia SG 450	Tr.lít	45,41	54,06	42,38	78,39	93,32
	+ Bia SG Lager 355	Tr.lít	22,28	23,74	17,90	75,40	80,34
	+ Bia SG 355	Tr.lít	16,43	7,34	3,14	42,77	19,11
	+ Bia SG lon 330	Tr.lít	59,45	66,00	72,27	109,50	121,57
1.2	SP tự doanh	Tr.lít	67,45	58,24	79,99	137,35	118,60
2	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1578,96	1575,18	1542,70	97,94	97,70
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	175,22	150,03	259,09	172,69	147,87
4	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	1317,80	1353,11	1409,95	104,20	106,99

Công tác khác:

- Phong trào lao động sáng tạo, cải tiến, tiết kiệm năng lượng tại 03 nhà máy của Công ty tiếp tục được duy trì trong năm 2019. Đặc biệt phong trào tiết kiệm điện, nước đã có bước cải thiện đáng kể, đáp ứng yêu cầu và cam kết với Tổng công ty Sabeco.
- Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý năng lượng ISO 5001:2018.
- Công tác vệ sinh môi trường được đảm bảo, các Nhà máy đã có sự quan tâm, thường xuyên duy trì, chăm sóc cây xanh, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp.
- Tham gia tích cực công tác xã hội, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội cho địa phương; nhận phụng dưỡng bà mẹ VNAH, tặng quà cho hộ gia đình khó khăn, học sinh nghèo vượt khó,... hỗ trợ, đóng góp các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo,...

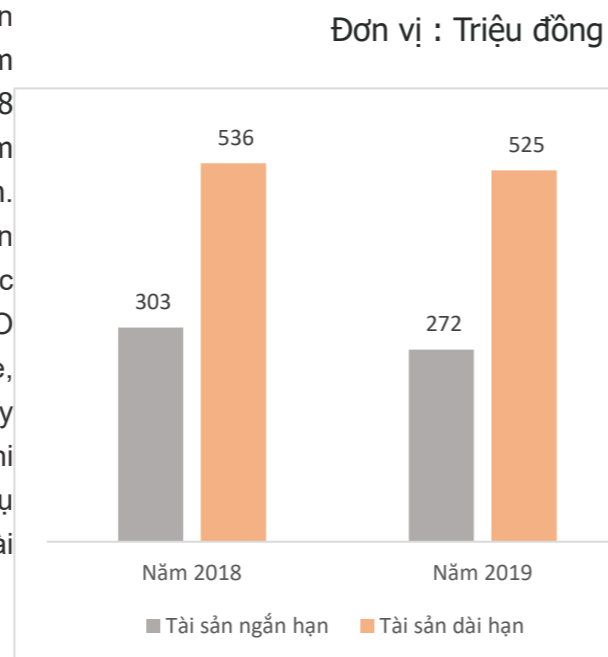


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

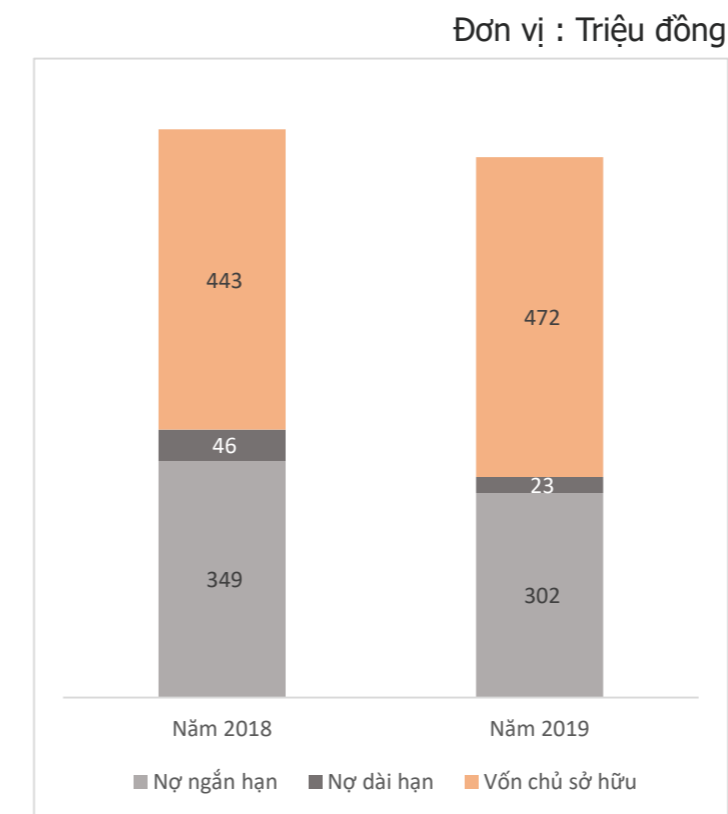
Chi tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	%tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	303.199	272.037	-10,28%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	535.616	525.436	-1,90%
Tổng tài sản	Triệu đồng	838.815	797.474	-4,93%
Vòng quay tài sản	Vòng	1,93	1,89	-2,30%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	16,69%	25,96%	55,55%

Năm 2019, Tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ 4,93% so với năm trước đạt mức 797,5 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi này là do sự giảm đi của tài sản ngắn hạn với lượng tiền mặt trong kỳ sụt giảm đáng kể. Trong năm SMB đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2018 và tạm ứng 2019 cho cổ đông, các khoản phải thu năm 2019 của Công ty cũng được Sabeco thanh toán nhanh. Bên cạnh đó, các khoản phải thu khách hàng và các khoản trước trước cho người bán phát sinh từ giao dịch hợp tác sản xuất và mua bán sản phẩm giữa công ty với SABECO cũng đã giảm đáng kể. Tài sản dài hạn năm qua giảm nhẹ, trong đó tài sản cố định thay đổi không đáng kể do công ty không có các khoản đầu tư lớn trong năm. Việc phân bổ chi phí trả trước dài hạn bao gồm có bao bì, công cụ, dụng cụ dùng cho hoạt động sản xuất là nguyên nhân chính làm tài sản dài hạn thay đổi.



Tình hình nợ phải trả

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	%tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	349.027	301.982	-13,48%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	46.469	23.482	-49,47%
Tổng nợ	Triệu đồng	395.496	325.464	-17,71%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	443.319	472.010	6,47%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	838.815	797.475	-4,93%



Nợ phải trả của Công ty giảm đi đáng kể trong năm 2019 với mức giảm 17,71% đạt 325,46 tỷ đồng. Trong đó, sự giảm đi của nợ ngắn hạn chính là nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của tổng nợ. Năm vừa qua, nợ vay ngắn hạn được dùng làm vốn lưu động tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã được Công ty trả bớt cho ngân hàng. Ngoài ra việc nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho Nhà nước cũng đã góp phần vào sự giảm đi của nợ ngắn hạn so với năm trước. Nợ dài hạn trong năm có sự sụt giảm do các khoản này đến hạn trả được chuyển sang nợ ngắn hạn.

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Điều hành.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

❖ Về công tác tổ chức, đào tạo, lao động tiền lương:

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức hiện tại theo hướng tinh thông, chuyên nghiệp hơn.
- Có chính sách thu hút lao động giỏi, có kế hoạch quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, CBCNV có năng lực, tâm huyết, gắn bó lâu dài với Công ty.
- Tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh các văn bản pháp quy áp dụng toàn Công ty. Đẩy mạnh tăng cường việc nhận diện thương hiệu Công ty, thống nhất chung toàn Công ty về đồng phục, BHLĐ, Logo Công ty, Brochure, bì thư,...

❖ Về công tác Sản xuất - Quản lý kỹ thuật:

- Quan tâm và chú trọng đến công tác quản lý kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm; tuân thủ nghiêm túc các quy định và hướng dẫn của SABECO về nội dung này.
- Giám sát hoạt động sản xuất nhằm đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động an toàn, liên tục thông suốt, cung cấp đầy đủ và kịp thời hàng hóa cho SABECO; đồng thời tận dụng tối đa phần công suất thừa để sản xuất các sản phẩm tự doanh của Công ty từ đó giúp nâng cao hiệu quả SXKD.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất ở tất cả các công đoạn theo đúng quy trình sản xuất đã ban hành, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của SABECO.
- Chủ động, kịp thời điều phối sản xuất, nhân lực và điều chuyển vật tư, bao bì, công cụ dụng cụ,.... giữa các Nhà máy trong Công ty đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.
- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị để hạn chế thấp nhất thời gian ngừng máy và sự cố trong sản xuất.
- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong sản xuất và công tác quản lý.



❖ Về công tác tiêu thụ:

Đối với thương hiệu bia Sài Gòn:

- Bám sát và thực hiện tốt chương trình S&OP do TCT ban hành nhằm đẩy mạnh công tác sản xuất và tiêu thụ bia Sài Gòn đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục phối hợp và đồng hành cùng với các Công ty Thương mại khu vực thực hiện các chương trình giới thiệu, quảng bá bia Sài Gòn nhằm đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, chủ động kết nối với các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương nhằm phát triển thị trường theo hướng bền vững.
- Thường xuyên theo dõi bám sát, có chính sách hợp tác và phối hợp cùng với các đơn vị Thương mại - Vận tải bia Sài Gòn để cùng nhau tháo gỡ khó khăn trong công tác vận chuyển, giao nhận hàng.



Đối với các sản phẩm tự doanh:

- Tiếp tục rà soát, đánh giá khả năng phát triển của từng loại sản phẩm để có chính sách đầu tư thích hợp.
- Tập trung giữ vững thị phần hiện tại; tiếp tục tìm kiếm, mở rộng thị trường. Đẩy mạnh công tác tiêu thụ bằng các chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp.
- Có giải pháp quyết liệt hơn nữa để đẩy mạnh công tác tiêu thụ bia Lowen và bia tươi tại Quy Nhơn.
- Đa dạng hóa sản phẩm tiêu thụ tại Công ty Thương mại Quy Nhơn: ngoài các sản phẩm tự doanh của Nhà máy Quy Nhơn: Bia tươi, Bia Lowen 330 Pils, Bia Quy Nhơn 330,... Công ty có kế hoạch tiêu thụ thêm các sản phẩm tự doanh nhà máy Phú Yên, Đắk Lắk như: Nước uống đóng chai Sapy, Sữa BaZan, Rượu Serepok,...
- Chủ động điều phối sản xuất bia Qui Nhơn tại 3 Nhà máy để khai thác hợp lý công suất các nhà máy, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ bia Qui Nhơn.
- Có phương án đầu tư thích hợp để giải quyết bài toán sản lượng bia Qui Nhơn hiện đang thiếu.
- Nghiên cứu, phát triển thêm sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, phong phú của thị trường.

❖ Về công tác tài chính:

- Công ty tiến hành quản trị kết quả sản xuất kinh doanh theo từng quý của các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là quản lý dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn, chi phí tiền lương, định mức tiêu hao trong sản xuất... để kịp thời chấn chỉnh thực hiện đúng quy chế quy định của công ty; đồng thời có giải pháp kịp thời nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thường xuyên cân đối dòng tiền và xây dựng các giải pháp tài chính nhằm sử dụng vốn có hiệu quả, tìm nguồn vốn vay giá rẻ, đảm bảo giảm thiểu chi phí tài chính thông qua việc điều chuyển vốn giữa các đơn vị để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

❖ Về công tác đầu tư:

- Thực hiện quyết toán các dự án đã đầu tư hoàn thành:
 - + Nhà kho thành phẩm 5.250 m²;
 - + Hệ thống lạnh phân tầng.
 - + Đầu tư hệ thống khai thác nước ngầm tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Đắk Lắk;
 - + Hệ thống thu hồi CO₂ 300kg/h kết hợp Stripping;
 - + Hệ thống lò hơi tăng sôi 10 tấn/h;
 - + Hệ thống lò hơi tăng sôi 10 tấn/h.
- Triển khai dự án điện mặt trời tại 3 nhà máy với công suất 4 MW, phần đầu đưa vào vận hành vào Quý III/2020.
- Tiếp tục trình HĐQT xem xét phê duyệt các dự án gia tăng năng lực sản xuất phù hợp với yêu cầu Sabeco và thị trường.

Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này. Vì vậy, Ban Điều hành không có ý kiến thêm.



05

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



2019



- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019, trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn còn nhiều yếu tố bất ổn, tình hình giá cả các nguyên vật liệu sản xuất đặc biệt là nguyên liệu cho ngành đồ uống tương đối ổn định, tỷ giá ngoại tệ thấp hơn mức dự báo tạo điều kiện thuận lợi nhất định cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đồ uống. Tuy nhiên, trước tình hình sức mua suy giảm, cạnh tranh gay gắt cũng đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong đó có SMB.

Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung đã đạt được kết quả hoạt động tương đối tốt. Năm vừa qua, các chỉ tiêu đều đạt và hoàn thành tốt kế hoạch, không những thế Công ty còn tiếp tục có sự tăng trưởng so với cùng kỳ.

Kết quả hoạt động Công ty cụ thể như sau:

Tổng cộng: Lãi 259,08 tỷ, bằng 172,69% KH 2019 và bằng 147,86% so CK 2018. T. đó:

- Đắc Lắc: Lãi 136,61 tỷ đồng bằng 193,30% KH 2019 và bằng 190,18% CK 2018.
- Phú Yên: Lãi 34,60 tỷ đồng bằng 191,61% KH 2019 và bằng 116,12% CK 2018.
- Quy Nhơn: Lãi 71,61 tỷ đồng bằng 126,07% KH 2019 và bằng 107,58% CK 2018.
- TM QNhon: Lãi 16,26 tỷ đồng bằng 361,34% KH 2019 và bằng 231,30% CK 2018.

Trong các năm vừa qua Công ty đều có sự tăng trưởng tốt và thu về lợi nhuận cao. Vị thế so với các đơn vị cùng ngành là đơn vị có giá trị gia tăng cao. Kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong năm qua theo đánh giá của Hội đồng quản trị là phù hợp với định hướng của Công ty, mang lại giá trị kinh tế cho cổ đông, kỳ vọng nhà đầu tư. Ngoài ra, Công ty vẫn luôn cố gắng hoàn thành các nghĩa vụ về nộp ngân sách Nhà Nước từ đó có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế khu vực Tây Nguyên và nền kinh tế chung của Việt Nam.



Ban Điều hành đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả thành viên trong việc điều hành Công ty. Năm qua, Ban Điều hành đã có thành tích tốt trong các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành kiểm soát của hoạt động kinh doanh, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời; từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên cống hiến hết mình trong công việc.

Kết quả hoạt động là bằng chứng rõ rệt và xứng đáng cho những cống hiến mà Ban Điều hành dành cho Công ty trong suốt thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng trong thời gian tới, với việc duy trì và phát triển các chính sách quản lý hiệu quả Công ty sẽ tiếp tục có được nhiều thành công.



KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình kinh tế chung

❖ Thuận lợi:

- Năm 2020, kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt, thu nhập và đời sống người dân được nâng cao, sức tiêu thụ bia vẫn còn tiềm năng phát triển lớn trong bối cảnh Công ty vẫn giữ vững là thương hiệu mạnh, sản phẩm được chiếm thị phần lớn ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên
- Được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty và chính quyền địa phương sở tại quan tâm, tạo điều kiện và môi trường kinh doanh thuận lợi đặc biệt là các công tác kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.
- Việc thực hiện chương trình S&OP của Tổng Công ty sẽ giúp cho các Nhà máy có thị trường tiêu thụ tại chỗ tốt như khu vực Tây Nguyên sẽ khai thác hết công suất và nâng cao hiệu suất đầu tư.
- Tập thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty có trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc, có tinh thần trách nhiệm và đoàn kết cao là nền tảng cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn sắp tới.

❖ Khó khăn:

- Năm 2020 tình hình khí hậu tiếp tục diễn ra phức tạp, mưa bão, lũ lụt và diễn biến thời tiết thất thường kéo dài, thị trường bia cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là ở các tỉnh duyên hải Miền Trung sẽ ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ bia.
- Các quy định, văn bản pháp luật của Nhà nước trong công tác kiểm soát bia, rượu (như Luật phòng, chống tác hại rượu, bia), cũng như các chế tài để xử phạt đối với người sử dụng bia, rượu khi tham gia giao thông sẽ ảnh hưởng đến công tác quảng bá cũng như tiêu thụ sản phẩm bia, rượu.
- Nghị Định 100/2019 gia tăng mức phạt về xử dụng rượu bia khi tham gia giao thông, tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng bia rượu, làm giảm doanh thu của các công ty và tăng trưởng của toàn ngành.
- Dịch Covid-19 trong năm 2020, được dự đoán sẽ có nhiều tác động đến nền kinh tế Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới, đây sẽ là khó khăn lẫn thách thức cho hoạt động xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa.

Các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động 2020

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2019	Tổng cộng	Kế hoạch 2020				%KH2020 /TH2019
					ĐL	QN	PY	TMQN	
I	Sản lượng sản xuất	Tr.lít	216,69	220,00	115,00	59,50	45,50		101,53%
1	Bia các loại	Tr.lít	206,51	209,50	110,00	59,50	40,00		101,45%
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	138,83	164,55	101,56	39,99	23,00		118,53%
	+ Bia lon Lager 330	Tr.lít	74,46	80,56	80,56				108,19%
	+ Bia SG 450	Tr.lít	43,14	54,46	13,00	27,96	13,50		126,24%
	+ Bia SG Lager 355	Tr.lít	18,48	26,00	8,00	8,50	9,50		140,69%
	+ Bia SG 355	Tr.lít	2,75	3,53	-	3,53			128,36%
1.2	Bia khác	Tr.lít	67,68	44,95	8,44	19,51	17,00		66,42%
	+ Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,05	1,30		1,30			123,81%
	+ Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	42,44	24,15	4,44	17,71	2,00		56,90%
	+ Bia Hơi	Tr.lít	24,19	19,50	4,00	0,50	15,00		80,61%
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	10,18	10,50	5,00		5,50		103,14%
II	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	215,55	220,00	110,56	39,99	43,50	25,95	102,06%
1	Bia các loại	Tr.lít	205,37	209,50	105,56	39,99	38,00	25,95	102,01%
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	135,69	164,55	101,56	39,99	23,00	-	121,27%
	+ Bia lon Lager 330	Tr.lít	72,27	80,56	80,56				111,47%
	+ Bia SG 450	Tr.lít	42,38	54,46	13,00	27,96	13,50		128,50%
	+ Bia SG Lager 355	Tr.lít	17,90	26,00	8,00	8,50	9,50		145,25%
	+ Bia SG355	Tr.lít	3,14	3,53	-	3,53			112,42%
1.2	Bia khác	Tr.lít	69,68	44,95	4,00	0,00	15,00	25,95	64,51%
	+ Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,06	1,30			1,30		122,64%
	+ Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	44,45	24,15			24,15		54,33%
	+ Bia Hơi	Tr.lít	24,17	21,50	4,00		15,00	0,50	80,68%
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	10,18	10,50	5,00		5,50		103,14%
3	Pepsi	Tỷ.đ	5,73	6,66				6,66	116,23%
	+ Thuê kho	Tỷ.đ	0,83	1,10				1,10	132,53%
	+ Dịch vụ kho	Tỷ.đ	4,90	5,56				5,56	113,47%
III	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1727,65	1641,91	948,94	347,06	222,28	208,35	95,04%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	259,08	181,32	78,00	66,58	30,24	6,50	69,99%
V	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	1402,97	1478,19	987,24	317,75	169,99	3,21	105,36%

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



2019



Mục tiêu phát triển bền vững



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường
và xã hội

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

+ Về hoạt động kinh doanh:

- Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến người tiêu dùng sản phẩm thực sự chất lượng.
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông.
- Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

+ Về môi trường: Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, chất thải nguy hại cũng được xử lý và được thu gom theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về an toàn vệ sinh thực phẩm: Công ty thực hiện tốt các quy định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.



+ Về xã hội và cộng đồng: Hàng năm Công ty đều dành nguồn kinh phí đáng kể để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, Quỹ nạn nhân chất độc da cam, Xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương,...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ Ban Điều hành

+ Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm:

STT	Nguyên vật liệu, hóa chất	ĐVT	Khối lượng
1	Malt	Kg	20,635,075
2	Gạo	Kg	8,402,854
3	Houblon	Kga	10,588
4	NaOH	Kg	717,720
5	Axit	Kg	9,692
6	Điện	Kwh	24,070,862
7	Nước	m ³	946,610
8	Hơi	Tấn	64,346

Trong đó, Công ty không tái chế các nguyên vật liệu, hóa chất để sản xuất sản phẩm tại đơn vị.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện năng: 24.070.862 Kwh.
- Hơi: 64.346 tấn.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Nước: 1557 m³

Sáng kiến tiết kiệm năng lượng, hơi: Giải pháp tiết kiệm điện khi thay 32 bóng đèn cao áp (400 W) bằng bóng đèn cao áp Led (160 W) tiết kiệm 33, 638.40 Kwh trong năm. Cải tiến quy trình nấu bia Quy Nhơn tiết kiệm 90.684 Kwh, 2,864 tấn hơi.

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn nước thành phố: Tổng lượng nước sử dụng/năm: 911.810 m³.
- Nguồn nước ngầm: Tổng lượng nước sử dụng/năm: 28.800 m³.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

Chính sách liên quan đến người lao động:

❖ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty tuân thủ các điều kiện về lao động để người lao động làm việc trong điều kiện lao động thuận lợi đảm bảo tuân thủ theo môi trường lao động. Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe nguồn nhân lực cho Công ty.

Thực hiện trang bị bảo hộ lao động đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc, số tiền mua trang bị bảo hộ và phụ cấp độc hại 2,5 tỷ đồng; hệ thống máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn định kỳ đều được kiểm định theo quy định,...

Hàng năm Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng trong và ngoài nước, đặc biệt quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nữ trong lao động sản xuất và các hoạt động khác, lao động nữ sinh con được nghỉ 60 phút/ca làm việc cho đến lúc con được 2 tuổi,...

❖ Hoạt động đào tạo người lao động:

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Hàng năm người lao động đều được đào tạo về công tác chuyên môn, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; trường hợp lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại... được tập huấn cấp Giấy chứng nhận và định kỳ hàng năm được huấn luyện lại ít nhất là 8 giờ/1 lao động.

Ngoài ra Công ty cử cán bộ đi tập huấn đào tạo như: Tổ chức đào tạo, huấn luyện an toàn hóa chất cho nhóm 1 và nhóm 5, an toàn bức xạ trong công nghiệp, xử lý nước thải. Tham gia khóa học Brewing lần 5 tại Quy Nhơn, khóa đào tạo Brewmaster, kỹ năng bán hàng hiệu quả theo 6C...

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp như: kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm đảm bảo cho người lao động có đủ khả năng thực hiện công việc được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo kế hoạch do người sử dụng lao động chi trả.

Trường hợp người lao động nếu có nhu cầu học thêm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngoài kế hoạch của Công ty, sẽ được người sử dụng lao động xem xét quyết định trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và không để ảnh hưởng đến sản xuất. Khi người lao động được đồng ý cho đi học tập, đào tạo ngoài kế hoạch của Công ty thì khi học xong chất lượng học tập đạt kết quả, đáp ứng được nhu cầu công việc tại Công ty thì người sử dụng lao động sẽ xem xét hỗ trợ một phần kinh phí mà người lao động đã bỏ ra trong thời gian học tập hoặc bố trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

❖ Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Vận động người lao động trong toàn Công ty tham gia ủng hộ công tác xã hội gần 1 tỷ đồng, thực hiện công tác kết nghĩa với các Buôn người dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa có nhiều khó khăn. Nhà máy Đắk Lắk kết nghĩa với Buôn Yao, xã Ea Tu, huyện Cư M'gar, nhà máy Phú Yên kết nghĩa với xã EaBar, huyện Sông Hinh; Hai đơn vị tham gia kết nghĩa đã thực hiện tốt chức năng của mình được bà con và chính quyền nơi kết nghĩa đánh giá cao. Ngoài ra, Công ty còn đảm nhận phụng dưỡng suốt đời 01 Mẹ Việt Nam anh hùng tại xã Ea Pốc - Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk.

❖ Hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh: Không.





2019



Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hoạt động của HĐQT

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động của HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch	4/4	100%
2	Ông Huỳnh Văn Dũng	Thành viên	4/4	100%
3	Bà Nguyễn Thị Phước	Thành viên	4/4	100%
4	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên	4/4	100%
5	Ông Phạm Văn Phong	Thành viên	4/4	100%

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	04/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua quyết toán dự án hoàn thành Hạng mục: Hệ thống làm giàu CO2 công suất 600kg/h tại Nhà máy Bia Sài Gòn - DakLak.
2	02/2019/NQ-HĐQT	05/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua quyết toán dự án hoàn thành Hạng mục: Cải tạo công năng công suất hệ thống thu hồi CO2 hệ B tại Nhà máy Bia Sài Gòn - DakLak từ 300kg/h lên 600kg/h. Thông qua kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019. Thông qua công tác đầu tư.
3	03/2019/NQ-HĐQT	16/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc điều chỉnh tỷ lệ % trích các quỹ, phân phối Quỹ thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch. Thông qua định mức kinh tế - kỹ thuật năm 2019. Thông qua một số nội dung chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên năm 2019. Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2019 và tài liệu.
4	04/2019/NQ-HĐQT	11/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua công tác đầu tư.
5	05/2019/NQ-HĐQT	29/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Đầu tư Lò hơi tầng sôi 10 tấn/h tại nhà máy Bia Sài Gòn - Phú Yên. Thông qua kết quả hoạt động SXKD 04 tháng đầu năm 2019 và phương hướng thời gian tới.
6	06/2019/NQ-HĐQT	13/05/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Dự thảo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty. Thông qua công tác đầu tư. Thông qua mức lương của người quản lý.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
7	07/2019/NQ-HĐQT	11/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua quyết toán dự án hoàn thành hạng mục: Đầu tư hệ thống lạnh phân tầng tại nhà máy Bia Sài Gòn DakLak. Thông qua kết quả hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2019.
8	08/2019/NQ-HĐQT	11/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua công tác đầu tư. Thông nhất chủ trương giảm lao động định biên, hỗ trợ tài chính. Thông nhất phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Khai thác nước ngầm phục vụ sản xuất tại Nhà máy Bia Sài Gòn - DakLak.
9	09/2019/NQ-HĐQT	15/08/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông nhất phê duyệt Phân cấp ủy quyền phê duyệt văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện hạn mục công trình: Khai thác nước ngầm phục vụ sản xuất tại nhà máy bia Sài Gòn - DakLak.
10	10/2019/NQ-HĐQT	24/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông nhất thông qua quyết toán dự án hoàn thành Hạng mục: Đầu tư Hệ thống thu hồi CO2 tích hợp hệ thống stripping làm giàu CO2 công suất 600kg/h tại Nhà máy bia Sài Gòn - Quy Nhơn.
11	11/2019/NQ-HĐQT	01/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông nhất thông qua quyết toán dự án hoàn thành Hạng mục: Đầu tư Kho thành phẩm tại Nhà máy Bia Sài Gòn - DakLak.
12	12/2019/NQ-HĐQT	07/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông nhất phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Đầu tư lò hơi tầng sôi 10 tấn/h tại Nhà máy bia Sài Gòn - Quy Nhơn và phê duyệt Phân cấp ủy quyền phê duyệt văn bản pháp lý trong quá trình thực hiện hạn mục.
13	13/2019/NQ-HĐQT	30/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông nhất thông qua kết quả hoạt động SXKD 10 tháng năm 2019 và kế hoạch 02 tháng cuối năm. Thông nhất vào Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2019 của Công ty. Thông nhất chủ trương đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại 03 Nhà máy.
14	14/2019/NQ-HĐQT	04/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông nhất bổ nhiệm ông Trần Hữu Phú, Phó TC - HC Công ty kiêm nhiệm chức danh Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm chức danh Thư ký Công ty. Thông nhất phân cấp thẩm quyền trong công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, quyền lợi đối với các chức danh quản lý trong công ty.
15	15/2019/NQ-HĐQT	05/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông nhất chi tạm ứng cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 35%. Ngày ĐKCC 25/11/2019, thời gian chi trả từ ngày 06/12/2019.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty là Ông Phạm Văn Phong trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục góp phần giúp HĐQT giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, Ông Phong đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.

1.1. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Hiện nay, các thành viên HĐQT của Công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp (xem chi tiết tại phần sơ yếu lý lịch) đáp ứng được yêu cầu quản lý và điều hành doanh nghiệp. Tuy nhiên hiện nay, do điều kiện địa lý còn hạn chế nên các thành viên sẽ cố gắng bổ sung chứng chỉ trong thời gian tới.

1.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban	4/4	100%
2	Ông Trịnh Văn Thảo	Thành viên	4/4	100%
3	Ông Bùi Quang Đáng	Thành viên	4/4	100%

Trong năm 2019, BKS đã tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT, xem xét, rà soát các Nghị Quyết do HĐQT ban hành nhằm kiểm tra tính hợp pháp và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Nhằm đảm bảo Công ty luôn hoạt động hiệu quả, đem lại nhiều lợi ích hơn nữa cho cổ đông. BKS đã nghiêm túc thực hiện chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát các mục tiêu và hoạt động mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; giám sát việc chi trả cổ tức năm 2018 cũng như tiến độ triển khai kế hoạch kinh doanh.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tổng Thưởng	Tổng thu nhập
Hội đồng quản trị					
1	Ông Lâm Du An	Chủ tịch	180.000.000	0	375.000.000
2	Ông Huỳnh Văn Dũng	TV HĐQT	126.000.000	0	180.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Phước	TV HĐQT	126.000.000	0	180.000.000
4	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	TV HĐQT	126.000.000	0	180.000.000
5	Ông Phạm Văn Phong	TV HĐQT	126.000.000	0	120.000.000
Tổng			0	1.035.000.000	1.719.000.000
Ban kiểm soát					
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng BKS	180.000.000	0	180.000.000
2	Ông Trịnh Văn Thảo	TV BKS	90.000.000	0	90.000.000
3	Ông Bùi Quang Đáng	TV BKS	90.000.000	0	90.000.000
Tổng			0	0	360.000.000
Ban Điều hành và Kế toán trưởng					
1	Huỳnh Văn Dũng	TGD	0	308.119.000	2.445.272.000
2	Võ Thành Điền	PTGD	0	210.174.000	1.802.403.000
3	Vũ Tuấn Anh	PTGD	0	210.135.000	1.816.260.000
Tổng			0	728.428.000	6.063.935.000
TỔNG CỘNG			1.763.428.000	8.142.935.000	

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Kim Phượng	Vợ của ông Vũ Tuấn Anh, Phó TGD kiêm Kế toán trưởng SMB	311.403	1,04%	221.751	0,74%	Nhu cầu tài chính
2	Nguyễn Thị Lai	Em ruột của bà Nguyễn Thị Phước - TV HĐQT SMB	4.046	0,01%	4.146	0,01%	Tăng tỷ lệ sở hữu
3	Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh BĐS Việt Gia Phú	Bà Nguyễn Thị Phước - TV HĐQT của SMB, cũng là TV HĐQT của Công ty Việt Gia Phú	887.867	2,97%	918.227	3,07%	Tăng tỷ lệ sở hữu

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần In - Thương mại Phú Yên:
 - Cổ tức được chia: 180.769.500 VNĐ
 - Chi phí lãi vay: 91.748.000 VNĐ
 - Mua công cụ và dụng cụ: 6.742.520.000 VNĐ

Các bên liên quan khác:

- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
 - Bán thành phẩm: 874.497.617.864 VNĐ
 - Mua nguyên vật liệu: 654.379.394.488 VNĐ
 - Cổ tức: 38.469.452.000 VNĐ
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Tây Nguyên
 - Cung cấp dịch vụ: 462.952.102 VNĐ

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.





2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 2 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 1 năm 2019.



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 2 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		272.037.901.806	303.198.548.337
Tiền	110	5	3.174.483.781	28.664.063.900
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.088.565.698	91.916.015.980
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	59.325.698.021	74.031.555.597
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.702.772.397	17.630.716.951
Phải thu ngắn hạn khác	136		3.629.976.357	1.711.168.518
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.655.325.086)	(1.457.425.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.085.444.009	-
Hàng tồn kho	140	7	193.707.783.423	179.166.247.623
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.067.068.904	3.452.220.834
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.063.157.669	3.401.873.411
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	50.347.423

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		525.436.881.737	535.616.486.254
Tài sản cố định	220		439.414.470.274	443.412.746.644
Tài sản cố định hữu hình	221	8	438.890.152.512	442.863.628.878
Nguyên giá	222		1.444.929.671.500	1.359.922.554.947
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.006.039.518.988)	(917.058.926.069)
Tài sản cố định vô hình	227	9	524.317.762	549.117.766
Nguyên giá	228		1.406.656.962	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(882.339.200)	(857.539.196)
Bất động sản đầu tư	230	10	7.905.148.336	7.642.458.122
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.179.007.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.890.689.735)	(1.536.548.949)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.681.717.228	3.137.472.391
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.681.717.228	3.137.472.391
Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.406.520.000	19.406.520.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	19.406.520.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		57.029.025.899	62.017.289.097
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	53.278.990.290	58.506.766.045
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.750.035.609	3.510.523.052
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		797.474.783.543	838.815.034.591

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		325.464.327.250	395.496.137.323
Nợ ngắn hạn	310		301.982.357.624	349.027.267.513
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	27.345.187.960	35.298.623.045
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.325.543.973	1.430.803.779
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	137.445.298.890	150.888.547.811
Phải trả người lao động	314		14.711.831.674	28.080.262.125
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	6.535.391.997	6.710.810.167
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		32.854.350	36.969.697
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	50.706.168.524	39.884.517.026
Vay ngắn hạn	320	18(a)	60.109.306.459	84.043.875.252
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	2.770.773.797	2.652.858.611
Nợ dài hạn	330		23.481.969.626	46.468.869.810
Phải trả dài hạn khác	337		5.497.500.000	4.344.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	-	24.609.306.459
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	17.984.469.626	17.515.563.351
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		472.010.456.293	443.318.897.268
Vốn chủ sở hữu	410	21	472.010.456.293	443.318.897.268
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	64.457.934.536	57.457.657.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.073.807.064	87.382.525.162
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.493.874.397	7.070.278.707
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		102.579.932.667	80.312.246.455
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		797.474.783.543	838.815.034.591

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính - Kế toán

Người kiểm tra:

Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.505.258.492.869	1.539.615.918.808
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.063.591.285	1.905.252.048
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	1.504.194.901.584	1.537.710.666.760
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.166.915.744.901	1.267.051.321.318
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		337.279.156.683	270.659.345.442
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.150.448.175	522.496.409
Chi phí tài chính	22		4.749.668.737	7.790.297.163
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.739.324.496	7.751.672.172
Chi phí bán hàng	25	28	41.053.188.557	43.803.083.582
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	71.426.729.220	75.263.429.735
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		221.200.018.344	144.325.031.371
Thu nhập khác	31	30	52.599.894.956	40.729.919.154
Chi phí khác	32	31	14.705.815.688	9.849.352.419
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		37.894.079.268	30.880.566.735
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		259.094.097.612	175.205.598.106
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	52.290.409.502	35.384.168.451
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(239.512.557)	(184.112.800)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		207.043.200.667	140.005.542.455
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	6.461	3.864

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính - Kế toán

Người kiểm tra:

Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	259.094.097.612	175.205.598.106
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	90.590.757.191	96.595.225.809
Các khoản dự phòng	03	1.012.358.275	1.045.795.200
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	292.527	(321.911)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.234.285.344)	(413.944.011)
Chi phí lãi vay	06	4.739.324.496	7.751.672.172
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	354.202.544.757	280.184.025.365
Biến động các khoản phải thu	09	23.675.986.470	(29.551.731.406)
Biến động hàng tồn kho	10	(14.443.155.800)	(35.563.572.735)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(46.173.148.414)	60.326.510.029
Biến động chi phí trả trước	12	1.566.491.497	2.277.428.608
		318.828.718.510	277.672.659.861
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.140.444.169)	(7.465.980.954)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.400.390.563)	(41.085.547.850)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	316.415.000	360.302.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.739.129.456)	(22.457.313.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	260.865.169.322	207.024.119.133
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(85.615.851.430)	(73.189.718.439)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	201.944.441	33.636.364
Tiền chi đầu tư vào công ty khác	25	-	(18.430.660.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.150.396.461	522.167.611
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(84.263.510.528)	(91.064.574.464)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	777.850.000.000	1.093.970.079.369
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(826.393.875.252)	(1.064.070.079.369)
Tiền chi trả cổ tức	36	(153.547.071.134)	(123.274.888.379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(202.090.946.386)	(93.374.888.379)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(25.489.287.592)	22.584.656.290
Tiền đầu năm	60	28.664.063.900	6.079.085.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(292.527)	321.911
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.174.483.781	28.664.063.900

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2019	1/1/2019
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại – Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty có 495 nhân viên (1/1/2019: 490 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 29.944 triệu VND (1/1/2019: 45.829 triệu VND). Nhóm Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 18). Hơn nữa, Nhóm Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Nhóm Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Nhóm Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Nhóm Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	289.967.829	1.580.998.822
Tiền gửi ngân hàng	2.884.515.952	27.083.065.078
	<u>3.174.483.781</u>	<u>28.664.063.900</u>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	52.036.671.280	68.407.824.584
Các khách hàng khác	7.289.026.741	5.623.731.013
	<u>59.325.698.021</u>	<u>74.031.555.597</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	52.036.671.280	68.407.824.584
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	4.823.629	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	362.917.632
	<u>56.860.300.909</u>	<u>71.770.742.216</u>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.720.000	-
Nguyên vật liệu	67.476.529.481	-	75.528.331.337	-
Công cụ và dụng cụ	57.544.241.188	-	62.425.113.930	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.877.475.066	-	26.194.622.767	-
Thành phẩm	40.783.135.885	-	15.000.190.882	-
Hàng hóa	16.209.881	-	-	-
Hàng gửi đi bán	10.191.922	-	12.268.707	-
	<u>193.707.783.423</u>	<u>-</u>	<u>179.166.247.623</u>	<u>-</u>

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	216.543.500.758	1.114.580.161.287	22.204.324.217	5.570.489.851	1.024.078.834	1.359.922.554.947
Tăng trong năm	4.565.226.201	20.501.175.724	590.570.000	1.209.399.091	148.400.000	27.014.771.016
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.245.063.553	35.213.415.351	981.525.673	-	-	59.440.004.577
Thanh lý	-	-	(796.081.486)	-	-	(796.081.486)
Giảm khác	(30.718.954)	(620.858.600)	-	-	-	(651.577.554)
Số dư cuối năm	244.323.071.558	1.169.673.893.762	22.980.338.404	6.779.888.942	1.172.478.834	1.444.929.671.500
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	93.435.257.175	808.079.013.639	10.928.043.843	3.847.300.445	769.310.967	917.058.926.069
Khấu hao trong năm	12.390.823.481	75.375.445.365	1.943.265.956	464.167.838	38.113.761	90.211.816.401
Thanh lý	-	-	(678.025.928)	-	-	(678.025.928)
Giảm khác	(30.718.954)	(522.478.600)	-	-	-	(553.197.554)
Số dư cuối năm	105.795.361.702	882.931.980.404	12.193.283.871	4.311.468.283	807.424.728	1.006.039.518.988
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	123.108.243.583	306.501.147.648	11.276.280.374	1.723.189.406	254.767.867	442.863.628.878
Số dư cuối năm	138.527.709.856	286.741.913.358	10.787.054.533	2.468.420.659	365.054.106	438.890.152.512

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 373.645 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 201.340 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.498 triệu VND (1/1/2019: 27.476 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (thuyết minh 18(b)).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	677.656.962	179.882.234	857.539.196
Khấu hao trong năm	-	-	24.800.004	24.800.004
Số dư cuối năm	-	677.656.962	204.682.238	882.339.200
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	-	49.117.766	549.117.766
Số dư cuối năm	500.000.000	-	24.317.762	524.317.762

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 845 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 678 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Bất động sản đầu tư

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.497.487.336	5.234.797.122
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<u>7.905.148.336</u>	<u>7.642.458.122</u>

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	6.771.346.071
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	616.831.000
Số dư cuối năm	<u>7.388.177.071</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.536.548.949
Khấu hao trong năm	354.140.786
Số dư cuối năm	<u>1.890.689.735</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.234.797.122
Số dư cuối năm	<u>5.497.487.336</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>2.407.661.000</u>

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	3.137.472.391	334.268.210
Tăng trong năm	61.440.698.137	38.689.845.754
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(59.440.004.577)	(32.920.898.636)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(616.831.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.760.388.436)	(52.743.141)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.079.229.287)	(2.912.999.796)
Số dư cuối năm	<u>1.681.717.228</u>	<u>3.137.472.391</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019 và 1/1/2019	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)

Đầu tư vào công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	28.758.417.399	14.025.321.454	9.531.191.781	6.191.835.411	58.506.766.045
Tăng trong năm	11.812.122.255	10.461.604.682	3.263.411.726	3.886.885.122	29.424.023.785
Phân bổ trong năm	(15.540.863.053)	(11.539.476.502)	(501.872.316)	(5.579.805.444)	(33.162.017.315)
Thanh lý	(1.168.326.350)	(315.527.356)	-	(5.928.519)	(1.489.782.225)
Số dư cuối năm	23.861.350.251	12.631.922.278	12.292.731.191	4.492.986.570	53.278.990.290

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	9.474.647.773	13.012.071.973
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phước Thành IV	3.810.545.860	-
Công ty TNHH Vận tải Thái Tân	2.768.388.425	2.065.879.230
Các nhà cung cấp khác	11.291.605.902	20.220.671.842
	<u>27.345.187.960</u>	<u>35.298.623.045</u>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	9.474.647.773	13.012.071.973
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	2.651.055.165	242.286.354
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	29.194.000	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.026.818.339	317.965.231.912	(152.825.022.001)	(169.978.325.384)	12.188.702.866
Thuế tiêu thụ đặc biệt	124.981.367.750	1.185.998.194.681	-	(1.209.330.810.026)	101.648.752.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.855.239.801	52.290.409.502	-	(38.400.390.563)	20.745.258.740
Thuế thu nhập cá nhân	1.651.839.606	7.725.456.238	-	(6.554.669.854)	2.822.625.990
Tiền thuê đất, thuế đất	373.282.315	3.915.802.582	-	(4.289.084.897)	-
Các loại thuế khác	-	776.778.712	-	(736.819.823)	39.958.889
	150.888.547.811	1.568.671.873.627	(152.825.022.001)	(1.429.290.100.547)	137.445.298.890

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí khuyến mãi	4.135.602.686	3.989.420.901
Chi phí lãi vay	523.245.959	924.365.632
Chi phí khác	1.876.543.352	1.797.023.634
	6.535.391.997	6.710.810.167

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	43.106.476.863	32.496.983.997
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.488.144.200	2.705.592.600
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	1.401.021.315	514
Phải trả ngắn hạn khác	4.710.526.146	4.681.939.915
	50.706.168.524	39.884.517.026

(*) Đây là vật tư và phụ tùng thay thế phát hiện thừa, thiếu trong quá trình kiểm kê do nhầm lẫn về mã quản lý của vật tư và phụ tùng. Trong đó vật tư, phụ tùng thừa là 1.401 triệu VND và vật tư, phụ tùng thiếu là 1.085 triệu VND như được nêu ở Mã số 139 trên bảng cân đối kế toán. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình rà soát lại các mã vật tư, phụ tùng để điều chỉnh cho phù hợp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay	1/1/2019		Biến động trong năm		31/12/2019
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	59.430.000.000	777.850.000.000	(801.780.000.000)	35.500.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	24.613.875.252	24.609.306.459	(24.613.875.252)	24.609.306.459	
	84.043.875.252	802.459.306.459	(826.393.875.252)	60.109.306.459	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	5,9%	12.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (ii)	VND	6,0%	3.600.000.000	7.150.000.000
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (iii)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Nhân viên của Nhóm Công ty (iii)	VND	7,0%	1.500.000.000	3.880.000.000
			35.500.000.000	59.430.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Đắk Lắk (“Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk”) có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Vietcombank – Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng là 25.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, và từ nhân viên của Nhóm Công ty không có đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2020	11.750.000.000	23.500.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	8,6%	2020	12.859.306.459	25.723.181.711
				24.609.306.459	49.223.181.711
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(24.609.306.459)	(24.613.875.252)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	24.609.306.459

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 24.498 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 27.476 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTS ngày 26 tháng 10 năm 2017 (thuyết minh 8).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	2.652.858.611	68.872.105
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	14.195.077.642	24.680.998.430
Tăng khác	316.415.000	129.430.000
Sử dụng trong năm	(14.393.577.456)	(22.226.441.924)
Số dư cuối năm	2.770.773.797	2.652.858.611

20. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.100.262.250	8.415.301.101	17.515.563.351
Dự phòng trích lập trong năm	814.458.275	-	814.458.275
Dự phòng sử dụng trong năm	(345.552.000)	-	(345.552.000)
Số dư cuối năm	9.569.168.525	8.415.301.101	17.984.469.626

(*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	298.466.480.000	12.234.693	51.094.708.896	127.654.169.654	477.227.593.243
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	140.005.542.455	140.005.542.455
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.362.948.517	(6.362.948.517)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(24.680.998.430)	(24.680.998.430)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(149.233.240.000)	(149.233.240.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	57.457.657.413	87.382.525.162	443.318.897.268
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	207.043.200.667	207.043.200.667
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(164.156.564.000)	(164.156.564.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 119.387 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 89.540 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017).

Tại cuộc họp ngày 4 tháng 11 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2018: 59.693 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	324	8.238.133	336	6.447.259
EUR	369	9.400.071	618	15.644.567
		17.638.204		22.091.826

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2019	1/1/2019
Bia Lowen 330	Két	5.322	3.745
Bia Sài Gòn 355	Két	290	-

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.492.488.783.309	1.528.924.758.178
▪ Cung cấp dịch vụ	12.769.709.560	10.691.160.630
	1.505.258.492.869	1.539.615.918.808
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.063.591.285	1.905.252.048
	1.504.194.901.584	1.537.710.666.760

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	1.162.816.890.597	1.263.016.148.370
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.098.854.304	4.035.172.948
	1.166.915.744.901	1.267.051.321.318

28. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	6.638.576.574	8.873.750.860
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	7.967.597.641	8.512.867.260
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	3.419.105.684	3.426.725.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.337.792.884	12.319.044.612
Chi phí bán hàng khác	6.690.115.774	10.670.695.522
	41.053.188.557	43.803.083.582

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	31.135.786.217	34.761.253.284
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.362.674.705	4.280.470.656
Chi phí thuê	4.683.951.044	4.739.588.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.124.236.407	5.276.960.843
Chi phí quản lý khác	25.120.080.847	26.205.156.189
	71.426.729.220	75.263.429.735

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập bán phế liệu	13.852.218.230	13.893.280.240
Cung cấp dịch vụ bảo hành và sửa chữa	13.009.549.102	8.843.649.993
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	9.919.996.364	6.751.994.550
Bán hơi bão hòa	6.323.400.000	4.793.609.088
Thu nhập khác	9.494.731.260	6.447.385.283
	52.599.894.956	40.729.919.154

31. Chi phí khác

	2019 VND	2018 VND
Chi phí bảo hành và cung cấp dịch vụ sửa chữa	4.488.999.072	4.337.332.592
Chi phí cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.696.049.730	1.302.069.407
Chi phí bán hơi bão hòa	3.104.598.388	1.405.332.000
Chi phí khác	5.416.168.498	2.804.618.420
	14.705.815.688	9.849.352.419

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	971.240.242.854	910.717.324.759
Chi phí nhân công và nhân viên	96.360.188.788	107.938.257.313
Chi phí khấu hao và phân bổ	90.590.757.191	96.595.667.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.760.210.312	84.701.041.253
Chi phí khác	61.020.360.048	66.574.771.971

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	52.231.499.312	35.363.608.451
Dự phòng thiếu trong những năm trước	58.910.190	20.560.000
	52.290.409.502	35.384.168.451
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(239.512.557)	(184.112.800)
	52.050.896.945	35.200.055.651

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	259.094.097.612	175.205.598.106
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	51.818.819.522	35.041.119.619
Chi phí không được khấu trừ thuế	209.321.133	167.300.352
Dự phòng thiếu trong những năm trước	58.910.190	20.560.000
Thu nhập không bị tính thuế	(36.153.900)	(28.924.320)
	52.050.896.945	35.200.055.651

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

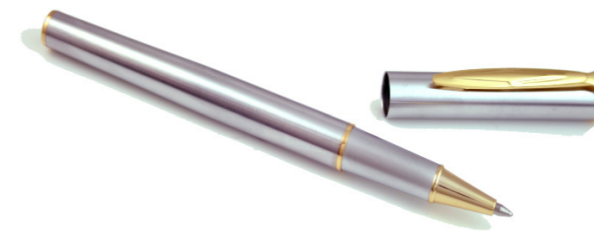
	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	207.043.200.667	140.005.542.455
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(14.195.077.642)	(24.680.998.430)
	192.848.123.025	115.324.544.025

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG



**BIA
SAIGON®**
SAIGON - MIEN TRUNG

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 03 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Văn Dũng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên		
Cổ tức được chia	180.769.500	144.621.600
Chi phí lãi vay	91.748.000	38.564.384
Mua công cụ và dụng cụ	6.742.520.000	6.626.426.000
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	874.497.617.864	806.656.544.518
Mua nguyên vật liệu	654.379.394.488	615.009.512.580
Cổ tức	38.469.452.000	28.852.089.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	462.952.102	420.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	8.694.612.095	8.091.731.000

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 14 tháng 2 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Thành Nguyên
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:

Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc